

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 9398
	Giờ: Ngày 16 tháng 4 năm 2010

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÙNG VƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	12 - 13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	16 - 36
8. Phụ lục	37

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Hùng Vương và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn), lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Hùng Vương (tên giao dịch là Hung Vuong Corporation) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000053 ngày 15 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 2 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh địa ốc.
- Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 24 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30 tháng 9 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 22 tháng 7 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 9 năm 2009 về việc bổ sung thành lập chi nhánh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 600.000.000.000 VND
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
 Số cổ phần cổ đông sáng lập mua: 12.000.000 cổ phần
 Số cổ phần chào bán: 48.000.000 cổ phần

Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Họ và tên	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Dương Ngọc Minh	9.000.000	90.000.000.000	15,00
Ông Lê Nam Thành	1.500.000	15.000.000.000	2,50
Ông Nguyễn Quốc Thái	1.500.000	15.000.000.000	2,50
Cộng	12.000.000	120.000.000.000	20,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại : (073).3.854.247
 Fax : (073).3.854.248
 Mã số thuế : 1200507529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh kho lạnh An Lạc	Lô số 10 đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh kho lạnh An Lạc II	Lô số 18-20 đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh kho lạnh An Lạc III	C10-C12 xã Hiệp Phước, đường số 9, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện	144 Châu Văn Liêm, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng hải sản xuất khẩu;
- Chế biến hải sản xuất khẩu;
- Chế biến thức ăn thủy sản, gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh kho lạnh;
- Kinh doanh địa ốc.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH An Lạc	Áp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Nuôi trồng hải sản và chế biến, xuất khẩu hải sản	90%
Công ty TNHH Châu Á	Lô 38-39 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản	90%
Công ty TNHH Hùng Vương-Vĩnh Long	197 đường 14 tháng 9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất, chế biến, mua bán, bảo quản thủy sản, rau quả, dầu và mỡ	90%
Công ty TNHH Hùng Vương Sa Đéc	Lô III-5, Khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm khác từ thủy sản xuất khẩu Mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành thủy sản	70%
Công ty Cổ phần Châu Âu	Lô 69 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	Nuôi trồng, chế biến hải sản xuất khẩu, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm.	84,56%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc	765 Hồng Bàng, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Chế biến, mua bán thủy hải sản (không chế biến tại trụ sở); Cho thuê kho lạnh; Nhận quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch nhà ở để chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	48,00%
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	Lô 46, Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Nuôi trồng hải sản xuất khẩu; Chế biến hải sản xuất khẩu.	48,00%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất, chế biến xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản và kinh doanh các loại hàng hóa nông sản thực phẩm chế biến.	21,92%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Năm 2009, mặc dù doanh thu xuất khẩu từ sản phẩm chính là cá fillet giảm mạnh nhưng trong năm Tập đoàn đã đưa thêm 01 kho lạnh vào hoạt động và có thêm hoạt động mới là kinh doanh bã đậu nành nên doanh thu cả năm tăng 102 tỷ VND so với năm trước.

Trong năm, Công ty tiếp tục đầu tư vào Công ty Cổ phần Châu Âu, Công ty Cổ phần Địa ốc An lạc và chuyển hướng đầu tư góp vốn lâu dài vào Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 36).

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận năm 2008 và năm 2009 như sau:

	Năm 2009	Năm 2008	
- Chia lãi cho các cổ đông	59.999.993.000	49.488.000.000	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.234.464.677	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	8.234.464.677	VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	8.234.464.677	VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGF). Số lượng cổ phiếu AGF mà Công ty nắm giữ sau đợt chào mua là 6.568.466 cổ phiếu tương ứng với 51,08% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của AGF và AGF chính thức trở thành công ty con của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch	30 tháng 1 năm 2007	-
Ông Lê Nam Thành	Thành viên	30 tháng 1 năm 2007	-
Ông Nguyễn Quốc Thái	Thành viên	30 tháng 1 năm 2007	-
Ông Hà Việt Thắng	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-
Ông Lô Bằng Giang	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Nam Hải	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-
Ông Trần Thanh Giang	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-
Ông Võ Minh Phương	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Ngọc Minh	30 tháng 1 năm 2007	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Tôi, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2010.



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0497/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty cổ phần Hùng Vương gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07 tháng 4 năm 2010, từ trang 08 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề chưa thống nhất

Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền ước tính là 8,3 tỷ đồng liên quan đến khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán phát sinh trong năm.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Các thông tin phục vụ cho việc hợp nhất căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty cổ phần chế biến thủy sản An Lạc.

Các thông tin phục vụ cho việc trình bày khoản đầu tư vào Công ty cổ phần địa ốc An Lạc theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của đơn vị này. Các thông tin phục vụ cho việc trình bày khoản đầu tư vào Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, nhưng chúng tôi chưa có điều kiện tham khảo hồ sơ kiểm toán có liên quan.

Giá trị hợp lý của tài sản thuần trong Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang được xác định bằng giá mua của khoản đầu tư, do đó không phát sinh lợi thế thương mại (hay bất lợi thương mại) khi trình bày khoản đầu tư này trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Chúng tôi không có cơ sở để xem xét tính hợp lý của vấn đề này.



Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty con – Công ty TNHH An Lạc đã ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 11 năm 2009 và tháo dỡ toàn bộ máy móc thiết bị để chờ thanh lý, chúng tôi không có cơ sở để xác định mức độ tồn thất của các tài sản này. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty vẫn được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty TNHH An Lạc.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Việc thay đổi chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 29.957.104.665 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như những năm trước.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Hoàng Thị Thu Hương - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0101/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.874.446.860.526	2.085.122.032.889
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	106.943.400.984	79.989.441.966
1. Tiền	111		106.943.400.984	79.989.441.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	91.741.360.891
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	345.330.397.123
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(253.589.036.232)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.953.579.329.651	1.455.251.869.322
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1.514.564.963.418	999.148.706.490
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	359.958.256.358	449.814.133.643
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	83.323.400.444	7.559.950.753
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4.267.290.569)	(1.270.921.564)
IV. Hàng tồn kho	140		653.971.238.187	433.179.154.465
1. Hàng tồn kho	141	V.7	653.971.238.187	433.179.154.465
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		159.952.891.704	24.960.206.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	375.693.002	1.724.545.192
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		96.747.880.013	12.114.610.440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	2.594.171.671	7.722.594.264
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	60.235.147.018	3.398.456.349

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		916.011.065.373	630.726.593.981
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		591.111.623.393	426.497.657.340
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	488.731.460.711	238.535.820.051
<i>Nguyên giá</i>	222		611.378.006.093	317.972.193.877
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(122.646.545.382)	(79.436.373.826)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	79.816.188.410	81.085.290.506
<i>Nguyên giá</i>	228		83.355.271.109	83.118.275.109
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.539.082.699)	(2.032.984.603)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	22.563.974.272	106.876.546.783
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		300.766.537.809	199.299.101.773
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	300.766.537.809	199.299.101.773
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.132.904.171	4.929.834.868
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	24.048.904.171	4.845.834.868
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		84.000.000	84.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.790.457.925.899	2.715.848.626.870

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.015.399.679.809	1.180.098.259.275
I. Nợ ngắn hạn	310		1.926.376.299.044	1.160.284.375.792
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	1.545.357.006.812	927.222.573.886
2. Phải trả người bán	312	V.17	197.815.578.762	175.769.758.413
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	16.153.849.695	19.274.280.747
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	34.806.273.214	1.897.965.945
5. Phải trả người lao động	315		7.254.302.965	6.037.188.139
6. Chi phí phải trả	316	V.20	5.307.617.321	10.456.680.599
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	119.681.670.275	19.625.928.063
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		89.023.380.765	19.813.883.483
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	84.870.361.161	18.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	1.341.912.538	705.794.942
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	2.811.107.066	1.108.088.541
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.712.071.800.188	1.503.891.618.517
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.713.472.327.240	1.498.804.955.601
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	599.999.930.000	494.880.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	706.724.070.000	805.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	29.984.766.900	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	35.920.754.779	25.644.488.819
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	36.707.290.563	27.034.759.852
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	304.135.514.998	145.545.706.930
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(1.400.527.052)	5.086.662.916
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	(1.400.527.052)	5.086.662.916
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		62.986.445.902	31.858.749.078
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.790.457.925.899	2.715.848.626.870

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		1.678.511,59		719.277,74	
Euro (EUR)		28.341,65		277,17	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Tiền Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2010



Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.105.193.741.440	3.002.257.018.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	17.910.371.463	17.391.407.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.087.283.369.977	2.984.865.610.819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.567.863.787.279	2.264.623.332.603
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		519.419.582.698	720.242.278.216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	55.873.351.919	52.079.655.988
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.182.234.408	321.318.423.289
Trong đó: chi phí lãi vay	23		75.970.918.835	58.231.324.197
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	201.381.278.987	258.835.033.217
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	42.269.072.736	38.676.581.880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		304.460.348.486	153.491.895.818
11. Thu nhập khác	31	VI.7	9.309.002.251	11.675.124.752
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.957.612.343	1.050.482.560
13. Lợi nhuận khác	40		6.351.389.908	10.624.642.192
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		23.931.999.641	14.431.096.153
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		334.743.738.035	178.547.634.163

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	39.203.756.564	6.373.233.911
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	636.117.596	822.002.489
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>294.903.863.875</u>	<u>171.352.397.763</u>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.632.590.336	6.663.104.233
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>293.271.273.539</u>	<u>164.689.293.530</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.926</u>	<u>2.778</u>

Tiền Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2010



Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		334.743.738.035	178.547.634.163
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	46.971.403.702	40.709.986.313
- Các khoản dự phòng	03		(250.592.667.227)	253.542.457.319
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(10.467.902.814)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	146.944.435.866	(6.517.986.210)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	75.970.918.835	58.231.324.197
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		354.037.829.211	514.045.512.968
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(540.114.428.816)	(744.482.017.612)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(220.792.083.722)	(215.461.210.057)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		137.116.207.269	123.255.517.075
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.854.217.113)	(4.998.781.734)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21, VI.4	(79.309.471.760)	(52.810.442.081)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(2.050.464.746)	(3.630.497.209)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.558.490.840	3.295.150.743
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(38.515.530.586)	(10.281.545.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(401.923.669.423)	(391.068.313.684)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14	(191.845.505.311)	(236.322.997.815)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	166.000.000	330.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(60.073.190.000)	(375.405.898.666)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		107.205.237.324	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	4.042.276.785	6.344.711.111
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(140.505.181.202)	(605.054.185.370)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.26	6.144.000.000	197.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19, V.25	5.083.755.326.641	2.834.334.503.220
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.25	(4.403.901.050.982)	(2.161.541.461.297)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(115.040.383.596)	(41.769.774.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		570.957.892.063	828.023.267.191
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		28.529.041.438	(168.099.231.863)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	79.989.441.966	248.088.673.829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.575.082.420)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	106.943.400.984	79.989.441.966


Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng



Tiền Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2010


Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Hùng Vương cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Hùng Vương và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm các loại; cho thuê kho lạnh.
- Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH An Lạc	Áp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	90%	90%
Công ty TNHH Châu Á	Lô 38-39 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	90%	90%
Công ty TNHH Hùng Vương-Vĩnh Long	197 đường 14 tháng 9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	90%	90%
Công ty TNHH Hùng Vương Sa Đéc	Lô III-5, khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	70%	70%
Công ty Cổ phần Châu Âu	Lô 69 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	70%	70%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc	765 Hồng Bàng, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh	48%	48%
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	Lô 46, khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	48%	48%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	1234 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	21,92%	21,92%

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. **Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Không có.

8. **Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Năm 2009, mặc dù doanh thu xuất khẩu từ sản phẩm chính là cá fillet giảm mạnh nhưng trong năm Tập đoàn đã đưa thêm 01 kho lạnh vào hoạt động và có thêm hoạt động mới là kinh doanh bã đậu nành nên doanh thu cả năm tăng 102 tỷ VND so với năm trước.

Trong năm, Công ty Cổ phần Hùng Vương tiếp tục đầu tư vào Công ty Cổ phần Châu Âu, Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc và chuyển hướng đầu tư góp vốn lâu dài vào Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Cơ sở hợp nhất**
Các công ty con
Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Thiết bị, dụng cụ thí nghiệm	6
Tài sản cố định khác	3

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư tài chính và các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 tháng đến 36 tháng.

Riêng Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long: các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm/2 lần: 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo hợp đồng mua lại trụ sở và tài sản từ Công ty Xuất Nhập Khẩu Vĩnh Long được phân bổ trong 10 năm kể từ tháng 7 năm 2006.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Riêng Công ty TNHH Châu Á trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo mức $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi các Công ty trong Tập đoàn chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.510.547.928	60.381.166.995
Tiền gửi ngân hàng (*)	101.432.853.056	19.608.274.971
Cộng	<u>106.943.400.984</u>	<u>79.989.441.966</u>

(*) Trong đó số dư tiền gửi ngân hàng trị giá 71.811.768.870 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	270.145.859.426
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	-	75.184.537.697
Cộng	<u>-</u>	<u>345.330.397.123</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	67.006.597.570	158.231.491.185
Khách hàng nước ngoài	1.447.558.365.848	840.917.215.305
Cộng	1.514.564.963.418	999.148.706.490

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua nguyên liệu	75.872.416.622	360.299.532.404
Trả trước tiền mua tài sản cố định	20.594.734.654	30.212.244.000
Trả trước các nhà cung cấp khác	263.491.105.082	59.302.357.239
Cộng	359.958.256.358	449.814.133.643

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây – cổ tức phải thu và tiền chi hộ	8.456.683.048	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Vĩnh Lợi - cho mượn	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần Đồng Hưng – cho mượn	120.000.000	-
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Tây Nam	-	7.000.000.000
Phải thu về thức ăn cá đầu tư	56.961.792.880	-
Phải thu khác	7.784.924.516	559.950.753
Cộng	83.323.400.444	7.559.950.753

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	574.112.000	1.040.791.756
Nguyên liệu, vật liệu	4.208.326.181	6.089.650.893
Công cụ, dụng cụ	1.045.045.358	1.335.790.270
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.134.348.292	-
Thành phẩm	533.720.762.852	404.281.991.556
Hàng hóa	60.288.643.504	2.697.068.226
Hàng gửi đi bán	-	17.733.861.764
Cộng	653.971.238.187	433.179.154.465

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	215.945.103	436.393.397	(558.144.053)	94.194.447
Tiền thuê nhà làm văn phòng	8.727.276	-	(8.727.276)	-
Chi phí bảo trì	506.999.999	-	(506.999.999)	-
Chi phí bảo hiểm	750.000.000	138.526.000	(819.263.000)	69.263.000
Chi phí khác	242.872.814	1.087.248.300	(1.117.885.559)	212.235.555
Cộng	1.724.545.192	1.662.167.697	(3.011.019.887)	375.693.002

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu nộp thừa	2.594.171.671	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	998.133.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	6.724.461.114
Cộng	2.594.171.671	7.722.594.264

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.221.447.160	889.383.732
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	58.013.699.858	2.509.072.617
Cộng	60.235.147.018	3.398.456.349

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	131.441.179.940	167.160.957.034	12.492.592.252	2.946.681.505	3.930.783.146	317.972.193.877
Tăng trong năm	186.489.068.291	93.478.401.668	13.508.898.218	166.102.432	2.591.589.383	296.234.059.992
Mua sắm mới	57.398.696.630	57.725.226.039	13.508.898.218	166.102.432	2.591.589.383	131.390.512.702
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	129.090.371.661	34.404.641.516	-	-	-	163.495.013.177
Tăng khác	-	1.348.534.113	-	-	-	1.348.534.113
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.828.247.776)	-	-	-	(2.828.247.776)
Số cuối năm	317.930.248.231	257.811.110.926	26.001.490.470	3.112.783.937	6.522.372.529	611.378.006.093
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.646.265.224	377.062.235	-	332.986.546	144.855.000	9.501.169.005
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	29.794.610.626	46.317.757.490	1.085.718.965	850.855.120	1.387.431.625	79.436.373.826
Khấu hao trong năm	20.777.105.720	20.382.454.970	2.906.156.301	826.220.117	573.368.498	45.465.305.606
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.730.738.491)	-	-	(458.850.419)	(2.189.588.910)
Số cuối năm	50.571.716.346	64.903.928.829	3.991.875.266	1.677.075.237	1.501.949.704	122.646.545.382
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	101.646.569.314	120.843.199.544	11.406.873.287	2.095.826.385	2.543.351.521	238.535.820.051
Số cuối năm	260.013.981.852	192.907.182.097	20.726.092.818	1.435.708.700	4.621.764.937	488.731.460.711

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 261.317.729.951 VND và 233.646.461.443 VND đã được Tập đoàn sử dụng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex – Cao Lãnh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

Kho lạnh An Lạc tại số 10 Lô Trung tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 20.655.833.475 VND và 15.859.011.716 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	83.090.243.079	28.032.030	83.118.275.109
Tăng trong năm	236.996.000	-	236.996.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	83.327.239.079	28.032.030	83.355.271.109
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.027.174.023	5.810.580	2.032.984.603
Khấu hao trong năm	1.499.960.456	6.137.640	1.506.098.096
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	3.527.134.479	11.948.220	3.539.082.699
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	81.063.069.056	22.221.450	81.085.290.506
Số cuối năm	79.800.104.600	16.083.810	79.816.188.410

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách là 21.850.094.226 VND và 21.403.300.899 VND đã được Tập đoàn cam kết thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	34.404.641.516	(34.404.641.516)	-	-
XDCB dở dang	106.194.285.251	51.161.923.408	(129.090.371.661)	(14.482.474.932)	22.563.974.272
- Công trình nhà tiền chế	17.213.226.969	-	(17.213.226.969)	-	-
- Công trình kho lạnh An Lạc	88.981.058.282	28.597.949.136	(103.096.532.486)	(14.482.474.932)	-
- Công trình tại khu công nghiệp Hiệp Phước	-	17.921.924.602	-	-	17.921.924.602
- Công trình tại khu công nghiệp Vĩnh Long	-	141.338.034	-	-	141.338.034
- Công trình tại Công ty cổ phần chế biến thủy sản An Lạc	-	4.500.711.636	-	-	4.500.711.636
- Nhà xưởng chế biến tại Công ty cổ phần Châu Âu	-	8.517.578.128	(8.517.578.128)	-	8.517.578.128
- Công trình khác	-	263.034.078	(263.034.078)	-	263.034.078
Sửa chữa lớn cầu cảng phân xưởng 2 tại Vĩnh Long	682.261.532	-	-	(682.261.532)	-
Cộng	106.876.546.783	85.566.564.924	(163.495.013.177)	(15.164.736.464)	22.563.974.272

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc	139.745.798.649	111.435.320.550
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	84.813.011.463	87.863.781.223
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (*)	76.207.727.697	-
Cộng	<u>300.766.537.809</u>	<u>199.299.101.773</u>

(*) Trong đó 2.700.000 cổ phiếu AGF có giá trị là 72.735.388.251 VND được cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.925.164.054	20.676.209.678	(3.341.955.247)	19.259.418.485
Chi phí sửa chữa	153.079.778	315.000.000	(214.329.778)	253.750.000
Chi phí đào tạo	69.885.037	-	(55.908.036)	13.977.001
Chi phí khảo sát địa chất	62.249.999	-	(27.666.672)	34.583.327
Lợi thế thương mại	1.875.000.000	-	(250.000.000)	1.625.000.000
Chênh lệch tỷ giá	-	2.112.266.891	(58.674.080)	2.053.592.811
Chi phí bảo trì	408.500.000	-	(408.500.000)	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	351.956.000	828.125.337	(371.498.790)	808.582.547
Cộng	<u>4.845.834.868</u>	<u>23.931.601.906</u>	<u>(4.728.532.603)</u>	<u>24.048.904.171</u>

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.539.357.006.812	921.222.573.886
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Chợ Lớn</i> ^(a)	2.000.000.000	58.000.986.600
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i> ^(b)	65.083.994.039	95.027.568.323
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> ^(c)	325.539.790.645	223.085.858.288
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> ^(d)	230.940.518.133	291.590.507.235
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> ^(e)	29.000.000.000	45.996.800.000
<i>Ngân hàng ANZ - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> ^(f)	56.627.287.707	32.000.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn</i> ^(g)	105.931.272.748	60.000.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn</i> ^(h)	107.534.143.540	69.933.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu</i>	-	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Petrolimex – Cao Lãnh ^(a)</i>	82.000.000.000	
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Long ^(b)</i>	60.000.000.000	15.587.853.440
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long ^(c)</i>	474.700.000.000	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Vĩnh Long</i>	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	<u>1.545.357.006.812</u>	<u>927.222.573.886</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Chợ Lớn thời hạn 6 tháng với lãi suất 12% để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng tọa lạc tại Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang trị giá 21,185 tỷ đồng; Cầm cố toàn bộ máy móc, thiết bị đặt tại nhà xưởng tọa lạc tại Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang trị giá 15,761 tỷ đồng và cầm cố thành phẩm cá tra fillet trị giá 34 tỷ đồng. Ngoài các tài sản nêu trên, Công ty cam kết sẽ thế chấp phần nhà xưởng tăng thêm sau khi hoàn tất các thủ tục về quyền sở hữu.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được thế chấp bằng giá trị của hàng hóa tồn kho và các khoản phải thu của Công ty với trị giá ít nhất 9.500.000 USD và được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi trong tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng với trị giá ít nhất 10% trị giá tiện ích Mở tín dụng chứng từ.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng để bổ sung vốn lưu động và chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 94 – 96 Phạm Đình Hồ, phường 2, quận 6, TP. Hồ Chí Minh; nhà xưởng, nhà kho tại Ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền với đất là kho lạnh An Lạc tại số 10 Lô Trung tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, hạn mức 500 tỷ, thời hạn vay 6 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất có truy đòi. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ bộ chứng từ hàng xuất, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu khác mà công ty cổ phần Hùng Vương là người thụ hưởng.
- (e) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thời hạn 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 2.700.000 cổ phiếu của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang.
- (f) Khoản vay Ngân hàng ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thời hạn 3 tháng để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và bảo lãnh cá nhân của Ông Dương Ngọc Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Chợ Lớn thời hạn không quá 9 tháng theo từng mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu và hàng tồn kho của Công ty với giá trị của tài sản đảm bảo tối thiểu bằng 150% nghĩa vụ được đảm bảo.
- (h) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn thời hạn 6 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thế chấp L/C và chiết khấu bộ chứng từ.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – Cao Lãnh để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thuê số 576A/2009/HĐTC/PGB, 576B/2009/HĐTC/PGB, 576C/2009/HĐTC/PGB ngày 18 tháng 12 năm 2009 với giá trị 66.054.756.000đ và toàn bộ nhà xưởng, cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị, nhà máy chế biến thủy sản và hàng tồn kho
- (j) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Vĩnh Long để mua cá nguyên liệu của nông dân xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 5.702 tấn cá tra thành phẩm xuất khẩu và số lượng hàng nhập kho tại kho An Lạc do Công ty cổ phần Hùng Vương xác nhận.
- (k) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long thời hạn 148 ngày kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2009 để thanh toán tiền mua hàng và thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng xuất khẩu thủy sản cá tra. Các khoản vay này được đảm bảo bằng cầm cố hợp đồng tiền gửi trị giá 1,5 tỷ tại ngân hàng và thế chấp các động sản của Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Tăng khác (*)	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	921.222.573.886	5.010.884.965.480	(4.397.901.050.982)	5.150.518.428	1.539.357.006.812
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-	(6.000.000.000)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	927.222.573.886	5.010.884.965.480	(4.403.901.050.982)	11.150.518.428	1.545.357.006.812

(*) Tăng khác: Chênh lệch tỷ giá; Số kết chuyển từ khoản vay dài hạn

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền thuê đất khu công nghiệp Tân Tạo	-	14.727.514.661
Phải trả tiền mua cá nguyên liệu	72.939.590.218	51.704.034.851
Phải trả tiền mua bao bì	2.764.884.150	23.314.779.639
Phải trả phí vận chuyển hàng xuất khẩu	48.257.100	14.312.723.983
Phải trả mua tài sản cố định	27.812.788.536	16.300.555.786
Phải trả các nhà cung cấp khác	94.250.058.758	55.410.149.493
Cộng	197.815.578.762	175.769.758.413

18. Người mua trả tiền trước

Người mua trả trước tiền mua thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(734.196.200)	10.819.419.499	(7.766.295.827)	2.318.927.472
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	30.967.708.464	(30.967.708.464)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	202.244.800	2.340.791.860	(5.137.208.331)	(2.594.171.671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.485.690.486)	39.203.756.564	(2.050.464.746)	31.667.601.332
Thuế thu nhập cá nhân	193.013.567	108.469.977	(176.486.489)	124.997.055
Thuế nhà đất	-	39.418.000	(39.418.000)	-
Các loại thuế khác	-	731.439.831	(36.692.476)	694.747.355
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	(5.824.628.319)	84.217.004.195	(46.180.274.333)	32.212.101.543

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo trì	-	1.158.000.000
Chi phí lãi vay	2.760.099.922	6.098.652.847
Chi phí vận chuyển	-	1.131.936.864
Chi phí hội chợ	599.239.362	1.064.418.810
Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng	324.030.744	171.183.330
Chi phí xây dựng công trình	1.077.036.599	-
Chi phí khác	547.210.694	832.488.748
Cộng	5.307.617.321	10.456.680.599

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.275.724.548	1.476.354.464
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả phí ủy thác	-	1.161.267.895
Công ty cổ phần thủy sản Tây Nam - Mượn tiền	13.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc - Mượn tiền	35.300.000.000	-
Hội đồng thành viên - Mượn tiền	2.000.000.000	1.048.319.000
Công ty cổ phần Đồng Hưng - Mượn tiền	-	200.000.000
Công ty TNHH Phương Tường - Mượn tiền	15.000.000.000	-
Các cá nhân - tiền mượn phải trả	27.781.843.868	315.548.767
Lợi nhuận phải trả	3.441.138.891	292.708.238
Hợp tác xã Thới An và các cá nhân - tiền ứng nuôi cá	17.358.600.644	-
Các khoản phải trả khác	524.362.324	131.729.699
Cộng	<u>119.681.670.275</u>	<u>19.625.928.063</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương ^(a)	12.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam ^(b)	72.870.361.161	-
Cộng	<u>84.870.361.161</u>	<u>18.000.000.000</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương để đầu tư xây dựng phân xưởng chế biến thủy sản 2 và mua máy móc thiết bị lắp đặt cho nhà máy với lãi suất 1,15%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà xưởng (Phân xưởng mua lại của Công ty Xuất nhập khẩu Vĩnh Long năm 2006) và nhà xưởng, máy móc thiết bị mới theo Hợp đồng số 124/2006/HĐTĐH-DN ngày 21 tháng 06 năm 2006 và Hợp đồng tín dụng số 121/2007/HDDTDDDA-DN ngày 01 tháng 06 năm 2007.

^(b) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà máy và nhập khẩu tài sản cố định. Khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán nợ vay dài hạn như sau:

Từ 1 năm trở xuống	6.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	84.870.361.161
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>90.870.361.161</u>

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	18.000.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	72.870.361.161
Số tiền vay đã trả trong năm	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	<u>(6.000.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>84.870.361.161</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Số đầu năm	705.794.942
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	636.117.596
Số cuối năm	1.341.912.538

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	
Số đầu năm	1.108.088.541
Số trích lập trong năm	1.713.255.525
Số chi trong năm	(10.237.000)
Số cuối năm	2.811.107.066

- 25. Vốn chủ sở hữu**
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
 Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 37.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	49.488.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	59.999.993.000
Cộng	109.487.993.000

Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.000.000	49.488.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu thường	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu thường	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của từng Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Số đầu năm	5.086.662.916
Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm	11.151.671.526
Chi quỹ trong năm	(17.398.991.309)
Giảm khác	(239.870.185)
Số cuối năm	(1.400.527.052)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	3.105.193.741.440	3.002.257.018.252
- Doanh thu bán hàng hóa	467.734.272.169	42.591.236.348
- Doanh thu bán thành phẩm	2.391.007.254.748	2.634.488.963.220
- Doanh thu bán phụ phẩm	185.418.791.533	259.985.446.374
- Doanh thu cho thuê kho, mặt bằng	51.481.527.890	15.372.498.724
- Doanh thu gia công	-	49.567.985.686
- Doanh thu bán hóa chất	9.551.895.100	250.887.900
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(17.910.371.463)	(17.391.407.433)
- Giảm giá hàng bán	(10.161.123.383)	(13.957.500.649)
- Hàng bán bị trả lại	(7.749.248.080)	(3.433.906.784)
Doanh thu thuần	<u>3.087.283.369.977</u>	<u>2.984.865.610.819</u>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	467.734.272.169	42.591.236.348
- Doanh thu bán thành phẩm	2.373.096.883.285	2.617.097.555.787
- Doanh thu bán phụ phẩm	185.418.791.533	259.985.446.374
- Doanh thu cho thuê kho, mặt bằng	51.481.527.890	15.372.498.724
- Doanh thu gia công	-	49.567.985.686
- Doanh thu bán hóa chất	9.551.895.100	250.887.900

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	443.921.048.705	29.622.272.843
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.909.754.042.111	1.871.203.106.804
Giá vốn của phụ phẩm	185.093.727.843	259.985.446.374
Giá vốn của hoạt động cho thuê kho, mặt bằng	22.418.605.360	12.303.883.477
Giá vốn của hoạt động gia công	-	91.134.105.497
Giá vốn của hoạt động bán hóa chất	6.676.363.260	374.517.608
Cộng	<u>2.567.863.787.279</u>	<u>2.264.623.332.603</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	801.575.498	1.053.807.058
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.272.008.785	1.124.711.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.770.268.000	5.220.000.000
Lãi bán ngoại tệ	321.983.501	18.077.256.757
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	12.384.278.872
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.679.924.307	12.684.919.115
Lãi chậm thanh toán	-	1.520.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	27.591.828	14.683.075
Cộng	<u>55.873.351.919</u>	<u>52.079.655.988</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	75.970.918.835	58.231.324.197
Lỗ bán ngoại tệ	504.838.828	3.287.486.789
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.916.376.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.845.813.190	4.293.169.013
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	174.446.053.426	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(253.589.036.232)	253.589.036.232
Chi phí tài chính khác	3.646.361	1.031.000
Cộng	<u>27.182.234.408</u>	<u>321.318.423.289</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	604.900.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.736.054.744	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.998.429.413	256.621.650.388
Chi phí khác	41.894.830	2.213.382.829
Cộng	<u>201.381.278.987</u>	<u>258.835.033.217</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lương nhân viên	7.776.802.749	7.489.537.254
Chi phí công cụ, dụng cụ	690.553.311	1.078.591.684
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.392.589.136	4.712.402.629
Chi phí dự phòng	2.996.369.005	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.311.768.048	8.360.360.278
Giá trị TSCĐ thanh lý phân bổ	1.034.217.532	351.956.000
Lợi thế thương mại phân bổ	250.000.000	522.176.394
Chi phí khác	17.816.772.955	16.161.557.641
Cộng	<u>42.269.072.736</u>	<u>38.676.581.880</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	166.000.000	330.000.000
Xử lý công nợ	6.906.419.912	3.769.825.790
Thu nhập từ hợp nhất kinh doanh	-	7.079.585.549
Thu tiền bồi thường bảo hiểm bão lụt	1.847.874.313	-
Thu nhập khác	388.708.026	495.713.413
Cộng	<u>9.309.002.251</u>	<u>11.675.124.752</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	638.658.866	156.724.901
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	25.201.759
Khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng	-	679.109.607
Chi phí khấu hao bổ sung năm 2008	56.872.541	-
Nộp thuế truy thu, nộp phạt thuế, lãi nộp chậm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	267.326.915	-
Thuế GTGT 2009 không được khấu trừ	1.332.667.540	-
Phí bảo vệ môi trường năm 2008	266.735.700	-
Chi phí khác	395.350.781	189.446.293
Cộng	<u>2.957.612.343</u>	<u>1.050.482.560</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	116.207.547
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	636.117.596	705.794.942
Cộng	<u>636.117.596</u>	<u>822.002.489</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	293.271.273.539	164.689.293.530
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của cổ đông công ty mẹ	293.271.273.539	164.689.293.530
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	59.540.462	59.274.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.926</u>	<u>2.778</u>

Do trong năm Công ty phát hành cổ phiếu thưởng dưới hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu nên lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	59.385.600	47.280.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2008	-	11.994.030
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2009	154.862	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>59.540.462</u>	<u>59.274.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, Công ty cổ phần Hùng Vương đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGF). Số lượng cổ phiếu AGF mà Công ty cổ phần Hùng Vương nắm giữ sau đợt chào mua là 6.568.466 cổ phiếu tương ứng với 51,08% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của AGF và AGF chính thức trở thành công ty con của Công ty cổ phần Hùng Vương.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	1.672.315.000	1.324.408.600
Thưởng	83.000.000	181.500.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2.933.056	3.697.920
Phụ cấp	139.020.000	238.284.800
Cộng	<u>1.758.248.056</u>	<u>1.747.891.320</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần cơ điện lạnh Hùng Vương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Tây Nam	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần địa ốc An Lạc</i>		
Mượn tiền	35.300.000.000	-
Chuyển tiền góp vốn đầu tư	-	35.500.000.000
<i>Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây</i>		
Doanh thu cho thuê nhà	-	60.000.000
Mua cá nguyên liệu	1.225.378.394.445	595.813.036.380
Cổ tức được chia	23.520.829.528	-
Trả trước tiền mua thức ăn cho cá	-	26.000.000.000
Mua cá nguyên liệu	103.991.996.810	-
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam</i>		
Mượn tiền	27.800.000.000	50.000.000.000
Mua thức ăn cho cá	60.298.554.160	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương – Miền Tây		
Trả trước tiền mua nguyên liệu cá	235.610.189.509	275.176.963.620
Phải thu tiền cho thuê nhà	-	75.000.000
Phải thu tiền cổ tức 2009	8.000.000.000	-
Phải thu tiền chi hệ lãi vay ngân hàng	456.683.048	-
Trả trước tiền hàng	68.832.692	26.000.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>244.135.705.249</u>	<u>301.251.963.620</u>
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc		
Phải trả tiền mượn	35.300.000.000	-
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam		
Phải trả tiền mượn	13.000.000.000	-
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Tây Nam		
Bán thức ăn cho cá	34.313.481.868	-
Cộng nợ phải trả	<u>82.613.481.868</u>	<u>-</u>

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2009, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.15). Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 29.957.104.665 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như những năm trước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.


Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng

Tiền Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2010


Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	394.000.000.000	627.100.000.000	-	15.814.308.477	17.274.169.284	137.150.453.884	1.191.338.931.645
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	169.133.594	-	-	169.133.594
Tăng vốn trong năm	100.880.000.000	178.600.000.000	-	-	-	-	279.480.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	164.689.293.530	164.689.293.530
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	9.661.046.748	9.760.590.568	(31.695.704.330)	(12.274.067.014)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(116.742.700.000)	(116.742.700.000)
Chi cổ tức cho các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(7.507.074.732)	(7.507.074.732)
Chi khác	-	-	-	-	-	(348.561.422)	(348.561.422)
Số dư cuối năm trước	494.880.000.000	805.700.000.000	-	25.644.488.819	27.034.759.852	145.545.706.930	1.498.804.955.601
Số dư đầu năm nay	494.880.000.000	805.700.000.000	-	25.644.488.819	27.034.759.852	145.545.706.930	1.498.804.955.601
Tăng vốn trong năm	105.119.930.000	(98.975.930.000)	-	-	-	-	6.144.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	293.271.273.539	293.271.273.539
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	10.276.265.960	9.672.530.711	(30.723.820.964)	(10.775.024.293)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(115.040.383.596)	(115.040.383.596)
Các khoản khác	-	-	29.984.766.900	-	-	11.082.739.089	41.067.505.989
Số dư cuối năm nay	599.999.930.000	706.724.070.000	29.984.766.900	35.920.754.779	36.707.290.563	304.135.514.998	1.713.472.327.240

Đơn vị tính: VND



Tiền Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2010

Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc